

Số: /BC-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng 8 năm 2021

## **BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện Nghị định số 150/2006/NĐ-CP  
ngày 12/12/2006 của Chính phủ; Nghị định số 157/2016-NĐ/CP  
ngày 24/11/2016 của Chính phủ về “Sửa đổi, bổ sung Nghị định 150  
về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh CCB”**

Thực hiện Kế hoạch số 168-KHGS/CCB ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Hội CCB tỉnh Thanh Hóa về việc giám sát thực hiện Nghị định số 150/2006/NĐ-CP của Chính Phủ; Nghị định số 157/2016 của Chính Phủ về “Sửa đổi, bổ sung Nghị định 150 về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh CCB”; Ủy ban nhân dân huyện Triệu Sơn báo cáo kết quả cụ thể như sau:

### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Huyện Triệu Sơn nằm phía Tây tỉnh Thanh hóa. Huyện được thành lập năm 1965 trên cơ sở sáp nhập 20 xã phía bắc của huyện Nông Cống và 13 xã phía nam của huyện Thọ Xuân. Diện tích 292,2 km<sup>2</sup>, dân số 204 nghìn người. Đến nay, huyện có 34 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 32 xã, 02 thị trấn). Là huyện đồng bằng bán sơn địa trong đó có 04 xã miền núi, là: Bình Sơn, Thọ Bình, Thọ Sơn, Triệu Thành;

Trong những năm qua dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Cấp ủy, Chính quyền các cấp, đời sống của nhân dân huyện Triệu Sơn từng bước được nâng lên, các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách Nhà nước được triển khai thực hiện nghiêm túc chặt chẽ, an sinh xã hội được bảo đảm; đặc biệt, các chế độ, chính sách cho người có công với cách mạng được các cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm, chăm lo chu đáo, trong đó đã thực hiện giải quyết kịp thời chế độ chính sách cho Cựu Chiến binh theo Nghị định 150/2006/NĐ-CP này 12/12/2006 của Chính phủ. Hội Cựu Chiến binh huyện Triệu Sơn tính đến thời điểm hiện tại có 38 cơ sở hội với tổng số 13.395 hội viên (Trong đó chống Pháp 158 hội viên; chống Mỹ 4.912 hội viên; bảo vệ tổ quốc 8.340 hội viên; số hội viên được hưởng chế độ chính sách, hưu, thương bệnh binh, da cam, mất sức là 3.413 hội viên).

### **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, Chính quyền trong tổ chức thực hiện Nghị định 150/2006/NĐ-CP 12/12/2006 và Nghị định 157/2016-NĐ/CP ngày 24/11/2016 của Chính phủ.**

Quán triệt nội dung của Nghị định 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 và Nghị định 157/2016-NĐ/CP ngày 24/11/2016 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Nghị định 150, Nghị định 157). Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các phòng,

ban chuyên môn có liên quan phối hợp với Hội Cựu Chiến binh huyện tham mưu cho UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện; đồng thời chỉ đạo UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện nội dung của Nghị định số 150 và Nghị định số 157 đến đối tượng cán bộ, hội viên Cựu Chiến binh là quân nhân tham gia các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ từ ngày 30/4/1975 trở về trước, tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp nước bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975.

## **2. Chính quyền các cấp tạo điều kiện về chính sách đối với Cựu chiến binh**

Trong những năm qua, Cựu chiến binh luôn được Chính quyền các cấp ưu tiên tạo việc làm, giao đất, giao rừng để sản xuất, kinh doanh và tham gia các dự án phát triển kinh tế, cụ thể:

- Việc giao đất, giao rừng cho hội viên Cựu Chiến binh quản lý theo các Dự án quản lý và phát triển lâm nghiệp ở các xã có đất, có rừng theo Nghị định số 02/NĐ-CP ngày 15/1/1994 và nghị định số 163/1999/NĐ-CP của Chính phủ về giao đất lâm nghiệp cho tổ chức hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài. Đến nay đã hơn 8.000 ha đất ở các xã Bình Sơn, Thọ Bình, Thọ Sơn, Thọ Tiến, Triệu Thành, Hợp Tiến, Hợp Lý, thị trấn Nưa, Thọ Cường.... có các mô hình câu lạc bộ trồng cây ăn quả kết hợp với chăn nuôi lợn, gia cầm, nuôi thả cá. Đã có những mô hình phát triển kinh tế hiệu quả, nổi bật như:

+ Câu lạc bộ Hội Cựu Chiến binh xã Thọ Tiến gồm 10 hộ gia đình của Chi hội Thôn 1, với diện tích hơn 12 ha đã đem lại thu nhập bình quân 125 triệu đồng/hộ/năm;

+ Dự án trồng rừng của ông Trịnh Huy Khuê, thôn 11 xã Thọ Bình với diện tích 20 ha trồng cây Keo, doanh thu vốn xoay vòng hàng năm đạt hơn 1 tỷ đồng;

+ Dự án trồng rừng của ông Vũ Đình Hiến, thôn 11 xã Thọ Bình với diện tích 22 ha trồng cây Keo, doanh thu hàng năm đạt 1,1 tỷ đồng.

- Ngoài ra Hội Cựu Chiến binh được chính quyền quan tâm tạo việc làm đối với hội viên Cựu Chiến binh còn sức lao động thông qua các chương trình, dự án phát triển kinh tế xóa đói, giảm nghèo giai đoạn 2015-2020 của huyện và của tỉnh như: dự án vỗ béo đàn bò ở xã Triệu Thành, xã Thọ Bình, dự án đầu tư con giống gà cho hộ gia đình nghèo xã Thọ Tiến, Thọ Sơn, Thọ Cường... đạt kết quả tốt. Qua đó đã giúp cho hàng trăm hội viên phát triển kinh tế xóa đói, giảm nghèo nhanh, bền vững, làm giàu hợp pháp.

- Đặc biệt trong thời gian từ năm 2007 đến nay, ngân hàng CSXH huyện tạo điều kiện cho vay vốn ưu đãi theo quy định của pháp luật để sản xuất kinh doanh, dịch vụ đối với hội viên hội CCB. Tính đến nay, tổng nguồn vốn cho vay khoảng 166,6 tỷ đồng, riêng năm 2021 tổng số dư nợ từ NHCS-XH huyện là 71 tỷ đồng; có 17/34 xã, thị trấn quản lý vốn vay ủy thác từ Ngân hàng CSXH huyện cùng với vốn vay ngân hàng thương mại 26 tỷ đồng; vốn vay từ các tổ chức tín dụng khác 9,4 tỷ đồng để đầu tư phát triển sản xuất, giảm nghèo; trên cơ sở đó, tỉ

lệ hộ nghèo của Cựu Chiến binh đã giảm từ 6,4% xuống còn 0,04% năm 2021, hộ khá trở lên tăng trên 58,6%.

**3. Thực hiện chế độ chính sách đối với Cựu chiến binh: (Được quy định tại Nghị định 150/2006/NĐ-CP; Nghị định 157/2016-NĐ/CP ngày 24/11/2016; Thông tư liên tịch số 10/2007/TTLT, ngày 25/7/2007 về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 150/2006/NĐ-CP và Thông tư số 03/2020- BLĐTBXH, ngày 25/2/2020 về hướng dẫn thực hiện Nghị định 157/2016- NĐ/CP ngày 24/11/2016 của Chính Phủ):**

### ***3.1. Thực hiện chế độ bảo hiểm y tế đối với Cựu chiến binh***

Trên địa bàn huyện hiện nay các quân nhân tham gia kháng chiến từ ngày 30/4/1975 trở về trước, và tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp nước bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đều được hưởng đầy đủ chế độ BHYT theo quy định, cụ thể lũy kế tính đến tháng 6/2021 đã chi trả hơn 18 tỷ đồng cho 30.628 lượt bảo hiểm y tế theo quy định tại điều 1, điểm 2 Nghị định 157/2016- NĐ/CP ngày 24/11/2016 của Chính Phủ và quy định tại điều 2 thông tư 03/2020/TT-BLĐTBXH ngày 25/02/2020 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chế độ chính sách đối với Cựu chiến binh theo Quy định tại Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 12/12/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều pháp lệnh Cựu Chiến binh. Hiện nay không còn tồn đọng trường hợp nào đã có hồ sơ nhưng chưa được cấp thẻ (riêng tính từ đầu năm 2021 đến tháng 6/2021 đã mua BHYT cho 6.457 người với tổng số hơn 2,5 tỷ đồng).

### ***3.2. Thực hiện chế độ mai táng phí đối với Cựu chiến binh qua đời***

Căn cứ thông tư liên tịch số 10/2007/TTLT- BLĐTB&XH-HCCBVN-BTC- BQP ngày 25/7/2007 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Hội CCB Việt Nam, Bộ Tài chính, Bộ quốc phòng về việc hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ; Thông tư số 03/2020- BLĐTBXH ngày 25/02/2020 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện Nghị định 157/2016- NĐ/CP ngày 24/11/2016 của Chính Phủ. Đối với Cựu chiến binh tham gia kháng chiến từ ngày 30/4/1975 trở về trước, và tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp nước bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 khi từ trần nếu không thuộc diện hưởng chế độ mai táng theo Pháp lệnh người có công và luật bảo hiểm xã hội thì người tổ chức mai táng được hưởng tiền mai táng phí, mức trợ cấp theo quy định hiện hành (10 tháng lương tối thiểu) do ngân sách nhà nước chi trả. Từ năm 2009 đến nay tổng số hội viên Cựu Chiến binh qua đời được chi trả mai táng phí 606 người, tổng tiền chi trả 6.617.000.000 đồng.

### ***3.3. Thực hiện tổ chức tang lễ khi Cựu Chiến binh qua đời***

Hội viên Cựu chiến binh khi qua đời được chính quyền, cơ quan, đơn vị, đoàn thể ở địa phương phối hợp với Hội Cựu Chiến binh và gia đình tổ chức tang lễ. nghi thức tang lễ thực hiện theo nghị định số 62/2001/NĐ-CP ngày 12/9/2001 của chính phủ và Thông tư liên tịch số 114/2005/TTLT-BQP-BNV ngày

01/8/2005 của liên Bộ Quốc phòng - Bộ Nội vụ và vận dụng theo điều kiện cụ thể của địa phương như:

- Khi hội viên Hội Cựu Chiến binh ở các xã, thị trấn từ trần, Ban Chấp hành hội CCB xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị phối hợp cấp ủy, Chính quyền địa phương, MTTQ các đoàn thể phối hợp với ban công tác mặt trận thôn, Chi hội CCB và gia đình tổ chức tang lễ cho hội viên theo quy định tại khoản 8, Điều 5, Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ.

- Từ năm 2006 đến năm 2019 duy trì tổ tiêu binh túc trực bên linh cữu và nghi lễ phủ quân kỳ thể hiện sự trang trọng, biết ơn đối với người có công với cách mạng; khi từ trần, từ cuối năm 2019 đến nay có sự điều chỉnh bãi bỏ nghi lễ phủ quân kỳ và hội viên túc trực bên linh cữu.

### **3.4. Thực hiện chế độ phụ cấp đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội CCB trong cơ quan, tổ chức, đơn vị**

- Hiện nay Hội CCB huyện Triệu Sơn có 04 biên chế, trong đó: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch hội CCB cấp huyện được hưởng đầy đủ chế độ phụ cấp theo Hướng dẫn số 05-HD/BTCTW ngày 01/7/2011 hướng dẫn thực hiện một số chế độ phụ cấp đối với cán bộ, công chức, cơ quan Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội và tiền lương của Hội Cựu Chiến binh Việt Nam, phụ cấp công vụ theo Nghị định số 34/2012/NĐ-CP ngày 14/4/2012 của Chính Phủ.

- Có 38 Chủ tịch và 38 Phó Chủ tịch Hội CCB các xã, thị trấn, cơ quan (trong đó: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội CCB các xã, thị trấn 34 đồng chí; Chủ tịch, Phó Chủ tịch hội CCB ở các Cơ quan 04 đồng chí).

+ Chủ tịch Hội CCB 34 xã, thị trấn được hưởng lương, phụ cấp theo quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã. Hiện nay Chủ tịch Hội CCB các xã, thị trấn có bằng cấp 10 người, chưa có bằng cấp 24 người, chế độ phụ cấp cho Chủ tịch hội CCB các xã, thị trấn được thực hiện theo Nghị định số 34/2012/NĐ-CP ngày 14/4/2012 của Chính Phủ .

+ Phó Chủ tịch Hội CCB các xã, thị trấn trên địa bàn huyện hiện nay có đủ cả ở 34/34 xã, thị trấn (trong đó 29 người kiêm nhiệm thêm các chức danh bán chuyên trách khác và 05 người không kiêm nhiệm chức danh khác); hiện nay các Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã được hưởng phụ cấp như các Phó Chủ tịch đoàn thể chính trị - xã hội khác theo quy định, mức phụ cấp hệ số 0,9 x với mức lương cơ sở/ tháng theo Nghị quyết số 232/2019/NQ-HĐND tỉnh Thanh Hóa (có hiệu lực từ ngày 01/01/2020).

+ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh các cơ quan, đơn vị sự nghiệp là cán bộ kiêm nhiệm, việc chi trả phụ cấp được thực hiện đối với Chủ tịch theo mức 7% trên tổng lương, phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên (nếu có); Phó chủ tịch theo mức 5% trên tổng lương, phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên (nếu có).

### **3.5. Thực hiện chế độ trợ cấp khi thôi không tham gia công tác Hội**

Việc chi trả trợ cấp cho đối tượng Cựu Chiến binh là Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội CCB các cấp, khi thôi làm công tác Hội thuộc diện đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp người có công với cách mạng hàng tháng khi thôi công tác hội được hưởng trợ cấp thôi công tác hội đúng theo Điều 4, Thông tư số 03/2020/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện nghị định 157/2016/NĐ-CP giải quyết kịp thời cho cán bộ hội các cấp khi thôi công tác hội, cụ thể đã giải quyết:

- Đã chi trả trợ cấp cho 38 người thôi làm công tác Hội (Khóa IV và khóa V nhiệm kỳ 2007-2012 và nhiệm kỳ 2012 -2017);

- Đã chi trả trợ cấp cho 01 người thôi làm công tác Hội khóa VI, nhiệm kỳ 2017 -2022 (hiện tại còn 03 người chưa được chi trả theo quy định; đã đề nghị quý từ I/2020).

### **4. Thực hiện định mức kinh phí hoạt động của Hội CCB các cấp**

Căn cứ chế độ chính sách đối với Cựu Chiến binh quy định tại Nghị định số 150/2006/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 10/2007/TTLT, hàng năm Hội CCB các cấp lập dự toán kinh phí bảo đảm chế độ, chính sách đối với CCB vào dự toán kinh phí hàng năm gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch (đối với cấp huyện); các xã, thị trấn gửi kế toán đơn vị để tổng hợp vào dự toán ngân sách trình HĐND, UBND phê duyệt, phân bổ kinh phí hoạt động cho Hội CCB cấp huyện, cấp xã theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

- Đối với Hội CCB huyện hàng năm theo định mức khoán quy định tại Quyết định số 4762/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh đảm bảo tối thiểu 23.000.000 đồng/01 cán bộ, nhân viên để đảm bảo kinh phí cho hoạt động phục vụ công tác Hội (ngoài chế độ con người, hàng năm huyện giao dự toán cao hơn định mức của tỉnh giao)

- Đối với Hội Cựu Chiến binh cơ sở, từ tháng 12/2019 trở về trước việc thực hiện khoán kinh phí hoạt động theo Quyết định số 3462/2015/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa định mức 10 triệu đồng/ năm cho 5 tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội (MTTQ, Đoàn Thanh niên, Hội CCB, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân), nguồn định mức chi kinh phí hoạt động cho các xã bố trí trong dự toán hàng năm; tùy theo khả năng ngân sách cụ thể của từng địa phương và nhiệm vụ được giao cho cấp hội, các địa phương trên địa bàn huyện đã bố trí từ 3 đến 8 triệu đồng/năm; từ tháng 01/2020 đến nay thực hiện theo Nghị quyết 232/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo mức 32 triệu đồng/năm cho hoạt động của 05 tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội. Trong đó, Hội CCB các xã, thị trấn được cấp 6 triệu/năm và được giao dự toán đầu năm.

- Đối với Chi Hội CCB ở thôn, tổ dân phố được cấp hơn 2 triệu đồng/ năm (12 triệu đồng/năm cho 05 tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội). Ngân sách huyện, xã chi hỗ trợ hoạt động phí cho Chi hội trưởng các đoàn thể thôn bình quân từ 50 – 70.000 đ/người/tháng (từ năm 2012 đến nay).

## **5. Thực hiện chính sách an sinh xã hội:**

Trong những năm qua Thường trực Huyện ủy, HĐND, UBND, MTTQ huyện luôn quan tâm lãnh chỉ đạo các cấp thực hiện tốt chế độ chính sách của Đảng, nhà nước đối với người có công với cách mạng, người có hoàn cảnh khó khăn đang ở nhà tạm bợ, dột nát, thăm hỏi tặng quà nhân các ngày lễ, tết, trong đó có hội viên Cựu chiến binh, cụ thể:

- Xây dựng 27 nhà tổng số tiền 521 triệu đồng cho thương bệnh binh từ nguồn quỹ đền ơn, đáp nghĩa;

- Làm mới 337 nhà với tổng số tiền 13.480 triệu đồng; sửa chữa 566 nhà với tổng số tiền 11.320 triệu đồng (Thực hiện theo Quyết định số 22/QĐ/TTg của chính phủ);

- Hội CCB huyện thực hiện xóa nhà tạm bợ, dột nát cho Hội viên CCB có hoàn cảnh khó khăn từ năm 2006 đến nay được 25 nhà, trong đó 16 nhà làm mới và 9 nhà sửa chữa (thực hiện từ các nguồn quyên góp ủng hộ và từ quỹ hội);

- Quỹ hội toàn huyện có hơn 8 tỷ đồng, tính bình quân đầu người hơn 600.000đ/hội viên được tạo vốn vay để phát triển kinh tế;

- Hàng năm nhân ngày thương binh liệt sỹ và tết Nguyên đán, Phòng LĐTB&XH tham mưu cho Huyện ủy, UBND, MTTQ huyện tổ chức thăm hỏi tặng quà cho các gia đình thương binh, liệt sỹ, người có công, tổng số xuất quà được trao hàng năm là 11.734 xuất (trong đó đối tượng thương binh, bệnh binh là hội viên hội Cựu Chiến binh là 2.091 người);

- Hội CCB huyện từ năm 2006 đến nay đã thực hiện thăm hỏi, tặng 510 xuất quà và 102 triệu đồng cho hội viên có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết cổ truyền. tặng 65 xuất quà tổng 32 triệu đồng cho gia đình mẹ Việt Nam anh hùng già yếu bệnh tật, gia đình CCB là Thương binh nặng, gia đình Liệt sỹ có hoàn cảnh khó khăn nhân ngày Thương binh Liệt sỹ 27/7.

## **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Kết quả đạt được**

Thực hiện Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ; Nghị định số 157/2016-NĐ/CP ngày 24/11/2016 của Chính phủ về “Sửa đổi, bổ sung Nghị định 150 về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh CCB” nhìn chung đã được triển khai thực hiện nghiêm túc; các chế độ chính sách đối với Cựu chiến binh được giải quyết kịp thời, đúng chế độ chính sách, trên địa bàn huyện đến nay không có đơn thư khiếu nại về thực hiện chế độ chính sách đối với CCB; công tác, hoạt động của Hội CCB các cấp luôn được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền từ huyện đến xã tạo điều kiện của chính quyền các cấp đã tạo động lực giúp các thành viên Hội Cựu chiến binh phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo nhanh, bền vững, làm giàu hợp pháp. Công tác phối hợp tổ chức thực hiện các chế độ chính sách đối với CCB giữa Hội CCB với các phòng, ngành ở huyện luôn thực hiện một cách đồng bộ, thường xuyên, chặt chẽ và hiệu quả.

## **2. Những khó khăn, hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân:**

Trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006; Nghị định số 157/2016-NĐ/CP của Chính phủ trên địa bàn huyện vẫn còn một số khó khăn như:

- Thực hiện chế độ, chính sách đối với các trường hợp tham gia kháng chiến do mất hết giấy tờ làm căn cứ xác định Cựu Chiến binh; trường hợp tham gia kháng chiến không còn hồ sơ và khó khăn xác định đối tượng để cấp thẻ BHYT;

- Nghi thức tổ chức tang lễ cho Cựu Chiến binh từ trần giữa các địa phương có sự khác nhau do phong tục tập quán;

- Các thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định triển khai ban hành còn chậm dẫn đến việc thực hiện ở địa phương gặp khó khăn;

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện ở một số đơn vị chưa được cấp ủy, chính quyền, các ngành, đoàn thể quan tâm đúng mức, công tác phối hợp tổ chức tuyên truyền đến hội viên và nhân dân nắm vững chế độ chính sách theo nội dung của Nghị định còn hạn chế;

- Cựu chiến binh gặp khó khăn khi không được tiếp cận với vốn vay giải quyết việc làm để phát triển kinh tế hộ gia đình (hiện tại huyện Triệu Sơn còn 17/34 Hội Cựu Chiến binh cơ sở chưa được tiếp cận vốn vay NHCS).

## **IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. Đề nghị Chính phủ, các Bộ, ngành của Trung ương, của tỉnh tiếp tục quan tâm tạo điều kiện về chế độ chính sách đối với người có công với cách mạng nói chung và Cựu Chiến binh nói riêng. Tạo chương trình vốn vay ưu đãi riêng cho CCB tham gia phát triển kinh tế giảm nghèo làm giàu chính đáng.

2. Đề nghị UBND Tỉnh, các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan tạo điều kiện cho hội viên Cựu chiến binh cấp huyện, cấp xã được tham gia các chương trình dự án phát triển kinh tế, giảm nghèo, vốn vay để giải quyết việc làm cho hội viên Cựu chiến binh.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ; Nghị định số 157/2016-NĐ/CP ngày 24/11/2016 của Chính phủ về “Sửa đổi, bổ sung Nghị định 150 về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh CCB” của UBND huyện Triệu Sơn./.

### **Nơi nhận:**

- Hội CCB tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- MTTQ huyện;
- Các Phòng: LĐTB và Xã hội,  
Tài chính - Kế hoạch; Nội vụ;
- Hội CCB; BHXH, BCH Quân sự huyện;
- Lưu: VT, NV.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Bùi Huy Dũng**

